TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 16

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 93, 90, 87, 84, ……, 78

A. 80 **B.** 84 **C.** 82 **D.** 81

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số liền sau của số liền trước số 69 là:

A. 70 **B.** 68 **C.** 69 **D.** 67

Câu 3. *(0,5 điểm)* Lan có 63 viên bi, Dũng có nhiều hơn Lan 19 viên bi. Dũng có số viên bi là:

A. 76 **B.** 82 **C.** 73 **D.** 44

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… + 36 = 53

A. 21 **B.** 17 **C.** 7 **D.** 27

Câu 5. *(0,5 điểm)* Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 1 giờ 15 phút **B.** 11 giờ 15 phút

C. 12 giờ 30 phút **D.** 12 giờ 15 phút

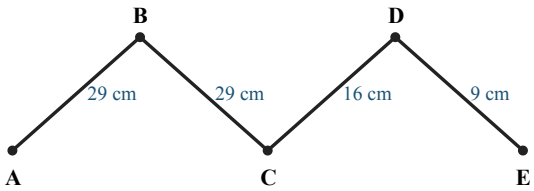
Câu 6. *(0,5 điểm)* Ngày 10 tháng 12 là thứ Sáu. Ngày 24 tháng 12 cũng là thứ mấy?

A. thứ Ba **B.** thứ Sáu **C.** thứ Bảy **D.** thứ Hai

Câu 7. *(0,5 điểm)* 3 dm + 16 cm = …… cm

A. 56 **B.** 46 **C.** 19 **D.** 45

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:



A. 93 cm **B.** 73 cm **C.** 83 cm **D.** 74 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 34, 37, 40, 43, ……, ……

b) 87, 84, 81, 78, ……, ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… + 19 = 76

b) 23 + …… = 42 − 7

c) 71 − …… = 32

d) 18 + …… = 43

Câu 11. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Tháng 12 có 31 ngày	
b) Trong phép trừ 92 − 29 = 63, số 29 là hiệu	
c) Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 99	
d) Số bé nhất có hai chữ số là 10	

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 dm = …… cm

b) 50 cm = …… dm

c) 2 dm 7 cm = …… cm

d) 1 dm + 24 cm = …… cm

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tứ giác.

Câu 14. *(1 điểm)* Trên xe buýt có 47 hành khách. Đến bến, có 18 người xuống xe và 9 người lên xe. Hỏi lúc này trên xe có bao nhiêu hành khách?

a) Sau khi xuống, trên xe còn: …… người

b) Lúc này trên xe có: …… người

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 16

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	B	D	B	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Thêm 3 mỗi lần: 46, 49

b) Bớt 3 mỗi lần: 75, 72

Câu 10.

a) 76 − 19 = 57

b) 42 − 7 = 35; 35 − 23 = 12

c) 71 − 32 = 39

d) 43 − 18 = 25

Câu 11.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Câu 12.

a) 20

b) 5

c) 20 + 7 = 27

d) 10 + 24 = 34

Câu 13.

Có 4 hình đơn, 3 hình ghép đôi, 2 hình ghép ba, 1 hình lớn: 10 hình tứ giác.

Câu 14.

47 − 18 = 29 (người)

29 + 9 = 38 (người)